

R_x DOSPASMIN® 40_{mg}

- Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Để xa tầm tay trẻ em.
- Tờ hướng dẫn sử dụng nêu tóm tắt các thông tin quan trọng của thuốc. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC: Mỗi viên nén chứa:
Thành phần dược chất: Alverin (dưới dạng Alverin citrat) 40 mg.
Thành phần tá dược: Tinh bột mì, Cellulose vi tinh thể PH101, Hydroxypropyl methylcellulose 15cP, Acid citric, Natri croscarmellose, Magnesi stearat, Colloidal silicon dioxide A200.

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén.
Mô tả đặc điểm bên ngoài của thuốc: Viên nén, hình tròn, màu trắng, hai mặt lõm, một mặt viên có khắc số 4618 và 2 hình ngôi sao, một mặt viên có khắc vạch, cạnh và thành viên lạnh lặn.

CHỈ ĐỊNH:
- Chống đau do co thắt cơ trơn đường tiêu hóa như hội chứng ruột kích thích.
- Bệnh đau túi thừa ruột kết, đau do co thắt đường mật, cơn đau quận thận, thống kinh nguyên phát.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:

Liều dùng:
Luôn dùng thuốc đúng liều lượng trong đơn thuốc.

- Người lớn, người cao tuổi: 1 - 2 viên/lần, ngày 1 - 3 lần.
- Trẻ em dưới 12 tuổi không nên dùng.

Cách dùng: Dùng uống.
Trường hợp quên uống một liều dùng: Hãy uống ngay khi nhớ ra. Nếu thời gian gần với lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều đã quên và hãy dùng liều tiếp theo vào thời gian thường lệ. Không dùng liều gấp đôi để bù vào liều đã quên.
Trường hợp không quá nhiều viên thuốc: Hãy gập ngay bác sỹ hoặc tới khoa Hồi sức - Cấp cứu của bệnh viện gần nhất.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Tắc ruột hoặc liệt ruột.
- Tắc ruột do phân.
- Mất trương lực đại tràng.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

- Nếu đây là lần đầu có những triệu chứng này, hãy hỏi ý kiến bác sỹ trước khi sử dụng bất kỳ phương pháp điều trị nào.
- Không sử dụng thuốc nếu có bất kỳ trường hợp nào dưới đây:
 - + Từ 40 tuổi trở lên.
 - + Bị xuất huyết đường ruột.
 - + Buồn nôn hoặc nôn mửa.
 - + Chấn ăn hoặc sụt cân, nhợt nhạt và cảm thấy mệt mỏi.
 - + Đang bị táo bón trầm trọng.
 - + Bị sốt.
 - + Đi nước ngoài gần đây.
 - + Đang có thai.
 - + Bị xuất huyết âm đạo bất thường hoặc khí hư âm đạo.
 - + Tiểu khó hoặc tiểu buốt.
- Tham khảo ý kiến bác sỹ nếu phát hiện các triệu chứng mới hoặc các triệu chứng trầm trọng hơn hoặc không cải thiện sau 2 tuần điều trị.
- Thuốc có chứa tinh bột mì, người dị ứng với bột mì (trừ bệnh coeliac) không nên dùng thuốc này.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- **Thời kỳ mang thai:** Mặc dù không gây quái thai nhưng không nên dùng thuốc trong thời kỳ mang thai vì bằng chứng về độ an toàn trong các nghiên cứu tiền lâm sàng còn giới hạn.

- **Thời kỳ cho con bú:** Không nên dùng thuốc trong thời kỳ cho con bú vì bằng chứng về độ an toàn còn giới hạn.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Thuốc có thể gây nhức đầu, chóng mặt. Thận trọng khi lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

Chưa có dữ liệu báo cáo về tương tác thuốc.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc dùng đường uống, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Bảng tóm tắt các phản ứng không mong muốn:

Các cơ quan	Các phản ứng không mong muốn
Hệ thống miễn dịch	Phản ứng dị ứng, sốc phản vệ, khó thở và/hoặc khó khê.
Hệ thần kinh	Nhức đầu, chóng mặt.
Tiêu hóa	Buồn nôn.
Gan - mật	Vàng da do viêm gan, thông thường điều này sẽ khỏi khi ngừng thuốc.
Da và mô dưới da	Ngứa, phát ban.

Hướng dẫn cách xử trí ADR:

Các ADR thường nhẹ, không cần phải xử trí. Nếu thấy ngứa, phát ban, cần ngừng thuốc, theo dõi phản ứng phản vệ tuy rất hiếm xảy ra.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Triệu chứng và biểu hiện khi sử dụng thuốc quá liều:

Hạ huyết áp và triệu chứng nhiễm độc giống atropin.

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:

Tương tự ngộ độc atropin: Nếu do uống quá liều thì phải rửa dạ dày, nên cho uống than hoạt tính trước khi rửa dạ dày và cần có biện pháp hỗ trợ điều trị hạ huyết áp.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Chống co thắt cơ trơn.

Mã ATC: A03A X08.

Alverin citrat có tác dụng trực tiếp đặc hiệu chống co thắt cơ trơn ở đường tiêu hóa và tử cung, nhưng không ảnh hưởng đến tim, mạch máu và cơ khí quản ở liều điều trị.

Tác dụng của alverin citrat trên đường tiêu hóa được xác định do 3 cơ chế: Chẹn kênh calci; làm giảm tính nhạy cảm của ruột; ức chế thụ thể serotonin 5HT_{1A}.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Sau khi được hấp thụ từ đường tiêu hóa, alverin citrat chuyển hóa nhanh chóng thành chất chuyển hóa có hoạt tính, nồng độ cao nhất trong huyết tương đạt được sau khi uống 1 - 1,5 giờ. Sau đó thuốc được chuyển hóa tiếp thành các chất không còn hoạt tính và được thải trừ ra nước tiểu bằng bài tiết tích cực ở thận.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên.
- Chai 100 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:

Bảo quản ở: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Bảo quản trong bao bì gốc của thuốc.

HẠN DÙNG: 48 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên nhãn.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

CƠ SỞ SẢN XUẤT:



DOMESCO

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Địa chỉ: Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0277. 3851950